

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 87/2024/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 6 năm 2024
“V/v xin ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Phi Hùng

Ông Phan Minh Sang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Hồng Như – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 137/2024/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc yêu cầu xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024 giữa các Đ sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Trương Minh Đ, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp QT, xã BĐ, huyện TB, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** Chị Phạm Thị Mỹ T (Phạm Thị T), sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp QT, xã BĐ, huyện TB, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Nguyên đơn anh Trương Minh Đ trình bày tại đơn khởi kiện như sau:**

Về hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị Mỹ T chung sống với nhau vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BĐ, huyện TB vào ngày 13/3/2009. Trong thời gian chung sống đến nay hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, xung đột gia đình xảy ra không hàn gắn được. Nên anh và chị T đã ly thân khoảng 02 năm nay. Anh xác định hiện vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc nên anh yêu cầu ly hôn với chị Phạm Thị Mỹ T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung tên Trương Minh N, sinh ngày 11/5/2010 và Trương Minh T, sinh ngày 14/11/2019. Hai con chung đang sống cùng chị T. Khi ly hôn anh yêu cầu giao 02 con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác định anh và chị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định anh và chị T không có nợ chung.

- Đối với chị Phạm Thị Mỹ T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, và giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng chị T vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không có văn bản ý kiến gửi đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nội dung tranh chấp giữa anh Trương Minh Đ và chị Phạm Thị Mỹ T được xác định là tranh chấp về ly hôn, bị đơn chị Phạm Thị Mỹ T có nơi cư trú tại xã BĐ, huyện TB nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Phạm Thị Mỹ T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập xét xử lần thứ hai theo quy định nhưng chị T vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Trương Minh Đ và chị Phạm Thị Mỹ T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BĐ, huyện TB theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Hiện anh Đ yêu cầu xin ly hôn với chị T. Theo lời trình bày của anh Đ do vợ chồng sống không hợp nhau, và có nhiều mâu thuẫn, nên anh và chị T đã ly thân khoảng 02 năm nay. Đồng thời, trong suốt thời gian anh Đ yêu cầu ly hôn tại Tòa án thì chị T không đến Tòa án để hòa giải cũng như không gửi ý kiến của mình cho Tòa án, điều đó chứng tỏ chị T cũng không có ý thức hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống chung giữa anh Trương Minh Đ và chị Phạm Thị Mỹ T mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện anh Đ và chị T đã ly thân thời gian dài, mỗi người đã có cuộc sống riêng, không ai quan tâm chăm sóc ai. Do đó, có cơ sở chấp nhận lời trình bày và yêu cầu của anh Đ về việc xin ly hôn với chị T.

[3] Về con chung: Anh Trương Minh Đ và chị Phạm Thị Mỹ T có 02 con chung tên Trương Minh Nhựt, sinh ngày 11/5/2010 và Trương Minh T, sinh ngày 14/11/2019 hiện hai con đang sống cùng chị T. Khi ly hôn anh Đ yêu cầu giao 02 con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi ly thân khoảng 02 năm nay cháu N và cháu T do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, hiện chị T cũng không có văn bản ý kiến về việc giao con cho anh Đ nuôi dưỡng, nên tiếp tục giao 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không có văn bản gửi đến Tòa án về việc yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, anh Đ có ý kiến không cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Anh Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Anh Đ khai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Anh Đ khai không nợ ai nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Anh Đ phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 207, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Trương Minh Đ về việc xin ly hôn với chị Phạm Thị Mỹ T.

Về con chung: Giao con chung tên Trương Minh N, sinh ngày 11/5/2010 và Trương Minh T, sinh ngày 14/11/2019, hiện 02 con chung đang sống cùng chị T cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung; nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, anh Trương Minh Đ phải chịu. Anh Đ đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0016170 vào ngày 02/5/2024 được đối trừ, anh Đ đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- UBND xã BĐ, huyện TB, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ; VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Kim Cương